TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/HC-PT
Ngày: 23/6/ 2023
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 12/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC- ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2315/2023/QĐPT-HC ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Bà Trần Thị A; Địa chỉ: tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T; địa chỉ: B N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn M, Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: K H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tổ dân phố B, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xử vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

+ Ủy ban nhân dân phường P, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Địa chỉ: phường P, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Trần Thanh H; Địa chỉ: tổ dân phố B, phường P, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bà Trần Thị A được ông cố chồng để lại quyền sử dụng đất hiện nay là 2 thửa (số 1094 và 1095) tờ bản đồ số 10, phường P. Những thửa đất này không vào Hợp tác xã (HTX) và cũng không thực hiện Nghị định 64/CP. Hộ gia đình bà Trần Thị A trực tiếp quản lý, sử dụng những thửa đất này từ sau giải phóng 1975 cho đến nay, có thời điểm trồng mì, lang, đậu đỗ, có lúc để đất nghỉ ngơi. Trên đất này vợ chồng bà Trần Thị A có trồng tre, trẩy và cây bạch đàn (cây bạch đàn hiện nay còn gốc) và có mồ mả ông cố chồng bà Trần Thị A. Vì đất này không vào HTX, không thực hiện Nghị định 64/CP nên hộ gia đình bà Trân Thị A1 vẫn đang quản lý, sử dụng mà chưa cần phải kê khai; khi thấy cần thiết thì hộ gia đình bà Trần Thị A sẽ đề nghị cấp sổ đỏ.

Đất này bà Trần Thị A đã dùng trồng hoa màu nên việc Chủ tịch UBND thị xã Đ xác định đất này là đất chưa sử dụng là không đúng thực tế. Để bảo vệ quyền sử dụng đất của gia đình bà A và tránh việc động vật phá hoại tài sản trên đất, gia đình bà Trần Thị A đã trồng trụ bê tông và rào dây kẽm gai. Việc làm hàng rào để bảo vệ đất và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Trần Thị A thì sao lại là chiếm đất. Thế nhưng Chủ tịch UBND thị xã Đ lại ra Quyết định số 278/QĐXPCPHC ngày 26/01/2022, xử phạt bà Trần Thị A về hành vi chiếm đất chưa sử dụng theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Bà Trần Thị A nhận thấy Chủ tịch UBND thị xã Đ xử phạt bà là không đúng pháp luật vì đất này là của gia đình bà nên bà không vi phạm bất cứ điểm nào của khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP nêu trên nên không có hành vi chiếm

đất. Thế nhưng, UBND phường P lại có báo cáo và tờ trình đề nghị xử phạt bà Trần Thị A là không đúng.

Về trình tự xử phạt vi phạm hành chính không đúng pháp luật, cụ thể: Ông Dương Hùng D không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính vì Công chức địa chính không phải là người có thẩm quyền xử phạt. Tại thời điểm bà Trần Thị Anh r hàng rào không có công chức, viên chức nào có mặt tại đó (nội dung này đã được nêu trong Quyết định số 278 nêu trên - ông D lập biên bản vào ngày 19/01/2022); sau đó vài ngày thì bà Trần Thị A mới thấy có người của UBND phường P đến nhưng làm gì thì bà Trần Thị A biết.

Không giao biên bản vi phạm hành chính cho bà Trần Thị A (việc bà Trần Thị A không tham gia làm việc cụ thể theo giấy mời nhưng không có nghĩa là bà Trần Thị A không nhận biên bản vi phạm vì như Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ đâu cần mời tôi nhưng vẫn giao được quyết định xử phạt hành chính cho bà Trần Thị A). Chủ tịch UBND thị xã Đ đã không cho bà Trần Thị A thực hiện hiện việc giải trình mà âm thầm ra quyết định xử phạt 20.000.000đồng trong thời kỳ khó khăn do đại dịch C.

Chủ tịch UBND thị xã Đ xác định 2 thửa đất này do UBND phường P quản lý. Vậy tất cả những thửa đất còn lại trên địa bàn phường P có do UBND phường P quản lý hay không? Chủ tịch UBND thị xã Đ cần phân biệt giữa nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai của từng cấp chính quyền với quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ pháp luật hiện hành, bà Trần Thị A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: tuyên xử hủy bỏ Quyết định số 278/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đ.

Tại văn bản số 670/UBND ngày 12/4/2022 và Văn bản số 1187/UBND ngày 03/6/2022, người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã Đ *trình bày:*

Ngày 13/12/2021, UBND phường P phát hiện bà Trần Thị A, sinh năm 1962, nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ có hành vi trồng trụ bê tông, kéo dây kẽm gai trên 02 thửa đất 1094 và 1095 thuộc tờ bản đồ 10, do UBND phường P quản lý. Sau đó, UBND phường đã nhiều lần mời bà Trần Thị A để làm việc nhưng bà A không có mặt theo giấy mời và gửi 03 lần Thông báo yêu cầu bà A tháo dỡ việc rào chắn trả lại hiện trạng ban đầu nhưng bà A vẫn không thực hiện. Ngày 13/12/2021 và ngày 23/12/2021, UBND phường P đã lập Biên bản kiểm tra hiện trường tại thửa đất số 1094 và thửa đất số 1095 cùng tờ bản đồ số 10.

Qua kết quả xác minh của Tổ xác minh phường P trên cơ sở đối chiếu hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và xác minh một số người sống cùng thời điểm với người sử dụng đất cho thấy bà Trần Thị Anh t chôn các trụ bê tông, kéo dây kẽm gai và trồng cây keo tại thửa đất số 1094 , diện tích 615m^2 và thửa đất số 1095, diện tích 607m^2 cùng tờ bản đồ số 10 là đất chưa sử dụng do UBND phường P quản lý.

Hồi 08 giờ 06 phút, ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại thực địa thửa đất số 1094, diện tích 615m^2 và thửa đất số 1095, diện tích 607m^2 cùng tờ bản đồ số 10 thuộc tổ dân phố B, phường P; ông Dương Hùng D - Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô

thị và Môi trường phường P lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh ,vực đất đai số 01/BB-VPHC với nội dung: Ngày 13/12/2021, UBND phường P phát hiện bà Trần Thị A có hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị tại hiện trường thửa đất số 1094, diện tích 615m^2 và thửa đất số 1095, diện tích 607m^2 cùng tờ bản đồ số 10 thuộc tổ dân phố 2, phường P là trồng trụ bê tông, kéo dây kẽm gai trên 02 thửa đất nêu trên do UBND phường P quản lý quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên, khi thông qua biên bản vi phạm hành chính thì bà Tràn Thị A2 có nghe đọc nhưng không ký vào biên bản.

Tại mục 5 của Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 01/BB-VPHC do ông Dương H - Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phường Phố M1 lập vào ngày 19/01/2022 thì bà Trần Thị A đã có ý kiến trình bày, bà Trần Thị A đã nghe đọc biên bản nhưng không ký là trường hợp người vi phạm đã cố tình không hợp tác với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, theo quy định tại Điêu 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 thì trường hợp bà Trần Thị A không ký vào biên bản thì biên bản đã có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm và người chứng kiến xác nhận bà Trần Thị A không ký vào biên bản.

Ngày 21/01/2022, UBND phường P có Tờ trình số 02/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai gửi kèm hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đến Phòng T3.

Sau khi rà soát toàn bộ hồ sơ và đối chiếu với các quy định pháp luật, Phòng T3 có Báo cáo số 09/BC-TNMT ngày 24/01/2022 về việc đề xuất xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, gửi toàn bộ hồ sơ để Phòng Tư pháp, Thanh tra thị xã, Văn phòng thị xã thẩm định trước khi trình UBND thị xã xem xét, quyết định. Đến ngày 25/01/2022, Phòng Tư pháp, Thanh tra thị xã, Văn phòng thị xã không có ý kiến gì, xem như thống nhất với nội dung báo cáo và dự thảo Quyết định xử' phạt. Do đó, ngày 26/01/2022, Phòng T3 có Tờ trình số 20/TTr-TNMT trình Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị A.

Mặt khác, theo (quy định tại khoản 30 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điêu của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì bà Trần Thị A không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn quy định thì bà A cũng không có yêu cầu giải trình thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành Quyết định số 278/QD-XPVPHC ngày 26/01/2022 là công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật; đồng thời thể hiện đảm bảo tính răn đe, nghiêm minh trong việc thực thi pháp luật.

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 5, điểm c khoản 1 và khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Chủ tịch

UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 278/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2022 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị A, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định pháp luật và thể hiện tính nghiêm tác quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn của bà Trần Thị A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường P, huyện Đ *trình bày:*

Căn cứ vào bản đồ 299 đo đạc chỉnh lý năm 2000 thì hai thửa đất này nguyên là thửa 237 và 238, tờ bản đồ số 8 tại Tổ dân phố B, phường P, cụ thể:

+ Thửa 237 có diện tích 752m^2 là loại đất (ĐM), đất Đội 3; thửa 238, tờ bản đồ số 8, diện tích 992m^2 là loại đất (ĐM) đất Đội 3, UBND xã quản lý không giao cho ai sử dụng.

+ Năm 2006, sau khi đo đạc lại để thực hiện đa dạng hóa nông nghiệp nông thôn. Hai thửa đất 237 và 238 là hai thửa 1094 và 1095, đã thống kê là đất UBND xã quản lý.

- Qua đối chiếu với hồ sơ và sổ mục kê đất đai năm 1994 để cân đối chia 64/CP và cấp giấy năm 1999 thì thửa đất 237, 238, tờ bản đồ số 8, là loại đất (ĐM) do UBND xã (nay là UBND phường) quản lý.

- Quá trình sử dụng đất của bà Trần Thị A cho thấy, gia đình ông H và bà Trần Thị A từ trước đến nay không sử dụng, không kê khai để được cấp giấychứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời theo hồ sơ quản lý của UBND phường thể hiện đây là 02 thửa đất do UBND phường quản lý theo hồ sơ được xác lập và thẩm định ngày 07/4/2021 của Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã Đ.

Qua xác minh thực tế thì hai thửa này trước đây khi ông Trần T1 (cha chồng bà Trần Thị A) còn sống thì có trồng cây một thời gian, tuy nhiên từ năm 1987 đến nay thì đất này bỏ hoang, không canh tác cho đến nay và là đất do UBND phường quản lý và được thể hiện trong sổ mục kê năm 2006; quản lý các loại đất nông nghiệp khác do UBND phường quản lý theo Chỉ thị 09 năm 2021 và được Sở T4 tỉnh thẩm định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H*:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC- ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 6, khoản 2 Điều 38, các Điều 57, 58, 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; các Điều 14, 38, 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hànlì chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 278/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/12/2023, người khởi kiện bà Trần Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị A không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị A đúng quy định về hình thức, trong hạn luật định nên hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của bà Trần Thị A là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của bà Trần Thị A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị A đúng quy định về hình thức, trong hạn luật định nên hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu kiện:

Ngày 10/02/2022 và ngày 08/3/2022, bà Trần Thị A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu hủy Quyết định số 278/QĐ- XPVPHC ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; Quyết định hành chính mà bà Trần Thị A khởi kiện nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý và xét xử sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 278/QD-XPVPHC ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đ

[3.1]. Về thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính:

Ngày 19/01/2022, ông Dương Hùng D, công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phường P, thị xã Đ lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị A, đã có hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị do UBND phường quản lý được quy định tại điểm c, khoản 1 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2019/ND-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ).

Theo bà Trần Thị A thì ông Dương Hùng D không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính vì công chức địa chính là người không có thẩm quyền xử phạt. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về thẩm quyền lập biên bản, gồm: *"Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai và hoạt động dịch vụ về đất đai"*. Tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của Chủ tịch UBND phường P về việc phân công nhiệm vụ cho công chức phường P, ông Dương Hùng D được Chủ tịch UBND phường P phân công nhiệm vụ *"Tham mưu, giúp UBND phường tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND phường trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, khoáng sản môi trường ..."*. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính do ông Dương Hùng D lập là đúng thẩm quyền.

[3.2]. Về trình tự, thủ tục lập Biên bản vi phạm hành chính:

Tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 19/01/2022 không có chữ ký của bà Trần Thị A. Tuy nhiên, tại mục 5 của Biên bản thể hiện bà Trần Thị A có ý kiến trình bày, đã nghe đọc biên bản nhưng không ký biên bản. Tại phiên tòa, bà Trần Thị A cũng thừa nhận bà có mặt tại các buổi UBND phường P lập Biên bản nhưng không nhớ rõ là ngày nào, đồng thời bà cũng không ký vào các Biên bản do UBND phường P lập.

Tại khoản 4 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều Luật xử lý vi phạm hành chính *(sau đây viết tắt là Luật Xử lý vi phạm hành chính),* điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính *(sau đây viết tắt là Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ)* quy định: Trường hợp người vi phạm có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản. Tại Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 19/01/2022 có chữ ký xác nhận của đại diện chính quyền phường P là ông Nguyễn Tấn P, Phó Chủ tịch UBND phường; người chứng kiến là ông Nguyễn Quang M2, Trưởng ban công tác mặt trận tổ dân phố 2, phường P và ông Huỳnh Văn T2, tổ T, phường P.

Mặt khác, tại mục 10 của Biên bản đã thể hiện rõ trong thời hạn 02 ngày làm việc/05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà) là cá nhân vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày 19/01/2022, bà Trần Thị A cũng không có văn bản

yêu cầu giải trình gửi đến Chủ tịch UBND thị xã Đ. Như vậy, tính từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính đến ngày 26/01/2022, Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị A là đảm bảo thời hạn, quyền giải trình của bà Trần Thị A theo quy định.

Do đó, Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 19/01/2022 là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định:

Ngày 13/12/2021, UBND phường P phát hiện bà Trần Thị A có hành vi trồng trụ bê tông, kéo dây kẽm gai trên 02 thửa đất số 1094 và 1095 thuộc tờ bản đồ số 10, do UBND phường P quản lý. Ngày 13/12/2021 và ngày 23/12/2021, UBND phường P đã lập Biên bản kiểm tra hiện trường tại 02 thửa đất trên. Ngày 19/01/2022, UBND phường P lập Biên bản về việc vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị A. Đến ngày 26/01/2022, Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 278/QĐ- XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị A là còn thời hiệu và đảm bảo thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6; khoản 1, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.4]. Về hình thức ban hành Quyết định:

Quyết định số 278/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về xử phạt vi phạm hành chính thực hiện đúng theo Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính và soạn thảo theo biểu mẫu quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

[3.5]. Về thẩm quyền xử phạt:

Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị A vào ngày 19/01/2022, xét thấy Chủ tịch UBND cấp xã không có thẩm quyền xử phạt nên ngày 21/01/2022, UBND phường P có Tờ trình số 02/TTr-UBND gửi Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Ngày 26/01/2022, Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 278/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị A là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

[3.6]. Về căn cứ ban hành Quyết định:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 1094 và 1095 theo Sổ mục kê và bản đồ 299, đo đạc chỉnh lý năm 2000 là thửa đất số 237, diện tích 752m^2 và thửa đất số 238, diện tích 992m^2, cùng tờ bản đồ số 8, loại đất ĐM, đất Đội 3 (bút lục 30-32).

Theo Sổ mục kê và bản đồ năm 2006, thửa đất số 237 và 238 biến động thành thửa đất số 1094, diện tích 615m^2 và thửa đất số 1095, diện tích 607m^2, cùng tờ bản đồ số 10, do UBND xã P quản lý (bút lục 59-60).

Theo bà Trần Thị A trình bày: Thửa đất số 1094 và 1095 có nguồn gốc từ ông cố chồng để lại cho gia đình bà theo Trích lục Đại Nam trung kỳ Chánh phủ; các thửa đất này không đưa vào Hợp tác xã và cũng không thực hiện chính sách đất đai theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Hộ gia đình bà trực tiếp quản lý, sử dụng những thửa đất này từ sau giải phóng 1975 cho đến nay, có thời điểm trồng mì, lang, đậu đỗ, có lúc để đất nghỉ ngơi. Trên đất này vợ chồng bà Trần Thị A có trồng tre, trẩy và cây bạch đàn (cây bạch đàn hiện nay còn gốc) và có mồ mã ông cố của bà Trần Thị A. Vì đất này không vào Hợp tác xã, không thực hiện Nghị định 64/CP nên hộ gia đình bà Trần Thị A vẫn đang quản lý, sử dụng mà chưa cần phải kê khai. Theo bà A, việc quản lý, sử dụng đất của gia đình bà được các ông, bà: Đỗ Chiếm N, Nguyễn Văn S, T, Lê Thị L xác nhận.

Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xác minh của UBND phường P đối với một số hộ dân, trú tại Tổ dân phố B, phường N, nhận thấy: Theo ông Trần Tấn L1, khi thực hiện chính sách của Nhà nước vào Hợp tác xã để làm ăn tập thể, Hợp tác xã giao cho xã viên trồng cây bạch đàn nhưng do trâu bò phá nên không trồng cây và bỏ hoang, nhà nước quản lý cho đến nay chứ không ai sử dụng hay trồng cây gì trên khu đất này, còn cây bạch đàn là nhân dân trồng chứ gia đình bà Trần Thị A không trồng bất cứ một cây gì trên khu đất này. Theo ông Huỳnh Trọng N1, sau năm 1975, khi xã P vận động nhân dân thì gia đình bà A là xã viên Hợp tác xã, đất này là UBND xã quản lý. Gia đình bà A có trồng hoa màu đến năm 1980 vì không hiệu quả nên gia đình bà A không sử dụng nữa, bỏ hoang cho đến nay. Theo các ông Huỳnh Trọng H1, Nguyễn Duy S1 thì khi còn sống, cha chồng bà Trần Thị A là ông Trần T1 có trồng 01 bụi trúc, tuy nhiên sau khi ông Trần T1 mất (cha chồng bà Trần Thị A, trên thường gọi là Trần M3) thì gia đình bà Trần Thị A không trồng cây gì trên thửa đất này. Theo ông Nguyễn Duy S1, trên đất có một số cây bạch đàn là do xã viên trồng trên bờ lũy của thửa đất. Xét thấy, kết quả xác minh của UBND phường P phù hợp với hồ sơ địa chính thửa đất số 1094 và 1095 qua các thời kỳ. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất số 1094 và 1095, cùng tờ bản đồ số 10, do UBND phường P quản lý. Việc bà Trần Thị A cho rằng gia đình bà quản lý, sử dụng các thửa đất từ sau 1975 đến nay, có xác nhận của một số người dân là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tài liệu mà bà Trần Thị A cung cấp không phải là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; bà A cũng không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1094 và 1095.

Như đã nhận định ở trên, thửa đất số 1094 và 1095, cùng tờ bản đồ số 10, do UBND phường P quản lý. Tại thời điểm bà A bị lập biên bản xử phạt hành chính thì bà không có quyết định hay giấy tờ gì của cơ quan có thẩm quyền để xác nhận về quyền sử dụng diện tích đất trên, nên việc bà Trần Thị A có hành vi trồng trụ bê tông, kéo dây kẽm gai trên 02 thửa đất do Nhà nước quản lý là vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/20,19/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 278/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2022 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị A là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị A là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc bác kháng cáo của bà Trần Thị A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị A là người cao tuổi được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC- ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị A.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp